



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

LOI#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN HUU TÔN
Last Middle First

Current Address: 139/B Ấp 2 Xã Phú Khương Thị xã Bến Tre.

Date of Birth: 4/28/29 Place of Birth: Bến Tre

Previous Occupation (before 1975) Village Council's member
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 9/20/75 To 1/5/80
Years: 5 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Nguyễn Hữu Tôn
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Le thi Lai	8/4/36	wife
Nguyễn an Ninh	9/12/58	son
Nguyễn thi Huân châu	5/19/62	daughter
Nguyễn anh Quân	12/14/64	son
Nguyễn anh Quốc	12/11/65	son
Nguyễn anh Huy	6/11/68	son
Nguyễn anh Luật	1/10/70	son
Nguyễn anh Thiệp	8/16/72	son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

() QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV

Date :

Ngày :

Fill out this questionnaire in English, Mail or send the completed as completely as possible. If you cannot, questionnaire to : read or write in English, fill it out in, Gửi số câu hỏi này tới : Vietnamese.

BÀ KHÚC MINH THO

P.O Box 5435 - ARLINGTON VA 22205-0635

TELEPHONE 703 - 560 - 0058

A./ Basis Identification Data/ Lý lịch căn bản.

- 1./ Name Nguyễn... Hữu... Tôn.....
Họ, tên
- 2./ Other Names
Họ, tên khác
- 3./ Date/Place of Birth 28-4-1929 tại làng An hội. Bến Tre.....
Ngày, nơi sinh
- 4./ Residence Address 139 B. ấp 2 Xã Phú Khương Thị xã Bến Tre...
Địa chỉ thường trú
- 5./ Mailing Address 139 B. Ấp 2 Xã Phú Khương Thị xã Bến Tre.....
Địa chỉ thư từ
- 6./ Current Occupation Thợ thiết.....
Nghề nghiệp hiện tại

B./ Relatives To Accompany Me/ Bà con cùng đi với tôi.

(Note : Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows : Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).

(Chú ý : Vợ, chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau : Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D) góa phụ, góa thê (W) hoặc độc thân (S)

NAME	Date of Birth	Place of Birth	MS	Relationship
Họ, tên	ngày, tháng, năm sinh	Birth : Nơi sinh	Sex : Phái	tình trạng : Liên hệ : gia đình : gia đình
Lê...Thị...Lân.....	4-8-1936	Châu Bình Bến Tre Nữ	M	vợ.....
Nguyễn...Anh...Minh.....	12-9-1958	An Hội Bến Tre Nam	Độc thân S	con.....
Nguyễn...Thị...Minh...Châu.....	19-5-1962	An Hội Bến Tre Nữ	Độc thân S	con.....
Nguyễn...Anh...Quân.....	14-12-1964	An Hội Bến Tre Nam	Độc thân S	con.....
Nguyễn...Anh...Quốc.....	11-12-1965	An Hội Bến Tre Nam	Độc thân S	con.....
Nguyễn...Anh...Huy.....	11-6-1968	An Hội Bến Tre Nam	Độc thân S	con.....
Nguyễn...Anh...Luật.....	10-01-1972	An Hội Bến Tre Nam	Độc thân S	con.....
Nguyễn...Anh...Thịnh.....	16-8-1972	An Hội Bến Tre Nam	Độc thân S	con.....
.....				
.....				

NOTE : For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married) divorce degree (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification relatives do not live with you, please note their addresses in section I below).

Chú ý : Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần 1 bản khai sanh, giá thú (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị) Giấy khai tử của vợ, chồng (nếu góa phụ, góa thê), thẻ căn cước (nếu có) và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung ngụ với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần I)

G./ Complete Family Listing (Living/Dead)
Danh sách toàn thể gia đình (sống/chết)

- 1.- Father (cha) Nguyễn Văn Báu. Sinh năm 1898. Bệnh già. chết năm 1963
- 2.- Mother (Me) Bùi Thị Thọ. Sinh năm 1903. Bệnh già. chết năm 1980
- 3.- Bpouse (vợ, chồng) Lê Thị Lài. sinh năm 1936. Châu Bình. Bentre...

4.- Former Spouse (if any)
Vợ, chồng trước (nếu có)

5.- Children (con cái)

- 1/- Nguyễn Anh Minh. 12.9.1958. An Hòa. Bentre...
- 2/- Nguyễn Thị Minh Châu. 18.5.1962. An Hòa. Bentre...
- 3/- Nguyễn Anh Quân. 14.12.1964. An Hòa. Bentre...
- 4/- Nguyễn Anh Quốc. 11.12.1965. An Hòa. Bentre...
- 5/- Nguyễn Anh Huy. 11.6.1968. An Hòa. Bentre...
- 6/- Nguyễn Anh Luật. 12.01.1970. An Hòa. Bentre...
- 7/- Nguyễn Anh Thịnh. 16.8.1972. An Hòa. Bentre...
- 8/-
- 9/-
- 10/-

6.- Sibling (anh, chị, em)

- 1/-
- 2/-
- 3/-
- 4/-
- 5/-
- 6/-
- 7/-
- 8/-
- 9/-
- 10/-

D.- Service with GVN or RVNAF By you or your Spouse.
Bạn hoặc vợ, chồng đã công cụ với Chính phủ Việt Nam.

1./- Name of Person Serving.
Họ tên người tham gia

2./- Date From : To :
Ngày, tháng năm Từ : Tới :

Serial Number :

Số thẻ nhân viên :

4./- Ministry/Office/Military Unit

Bộ/Sở/Đơn vị bình chủng.

5./- Name of Supervisor/C.O.

Họ tên người giám thi/sĩ quan chỉ huy

6./- Reason for Separation (Lý do nghỉ việc)

7./- Names of American Advisor (s)

Họ tên cố vấn Mỹ

A./- U.S Training Courses in VietNam

Chương trình huấn luyện Hoa Kỳ ở Việt Nam

9./- U.S Awards or Certificates

Name of award :

Date received :

Phân thưởng hoặc giấy khen

Ngày nhận : _____

NOTE : Please attach any copies diplomas, awards or certificates, if available available ? Yes No

CHÚ Ý : Xin bạn kèm theo bat củ văn bằng, giấy bạn khen hoặc chứng thư nếu có. Đường sự có không ? Có Không

Training Outside VietNam of you or your spouse.

Bạn hoặc vợ, chồng đã huấn luyện ở ngoài quốc.

1./- Name of student/Trainee :

Họ tên sinh viên/người được huấn luyện

2./- School and school/Address

Trường và địa chỉ nhà trường

3./- Dates

From :

To :

Ngày, tháng, năm Từ :

Toi :

4./- Description of Courses

Mô tả ngành học

5./- Who paid for training ?

Ai dài tho chương trình huấn luyện

NOTE : Please attach copies of diplomas or orders, if available,
Available ? Yes No)

CHÚ Ý : Xin bạn kèm theo văn bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không ? Có Không

Reeducation of you or your spouse

Bạn hoặc vợ, chồng đã học tập cải tạo.

1./- Name of Person in Reeducation

Họ tên người đi học tập cải tạo: Nguyễn Hữu Tôn

2./- Time in Reeducation From

Thời gian học tập Từ : 20.9.1975

To : 5-1-1980..

Thời gian học tập Từ

3./- Still in Reeducation (x) Yes : No :
Vẫn còn học tập cải tạo (x) Có : Không :

(x) (If released, we must have a copy of your release certificates)
(x) (Nếu được thả, chúng tôi cần 1 bản sao giấy ra trại).

Any Additionnal Remarks (Gước chú phụ chú)

..1.. bản... Lệnh... thả... ngày... 17... 12... 1979.....
..1.. bản... Ra... trại... ngày... 5... 1... 1980.....
..1.. bản... Trả quyền... công dân... ngày... 18... 1... 1985.....
..1.. bản... Hôn Thê... số 34.....
vớ 9.. bản... Khai sinh... của... chín người.....
Kèm theo... 9 tấm ảnh của 9 người.....
.....

Signature
Ký tên

Date :

Ngày : 15-04-1990.

Nguyễn Hữu Tôn

Please list here documents Attached to this questionnaire.

Xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với số câu hỏi này.

Nguyễn Hữu Tôn

HÔN-THỦ BẠC NHẬT

Số hiệu (1) **34**

SAO LỤC Y BỐ ĐÒI
ANHỘI NGÀY 19.4.1958
HỘI VIỆN HỒ TỊCH



NGUYỄN VĂN NAM

(1) Lê chưa đề
lược-biên án tòa
cải giấy hôn-thủ lại.

Người chồng : (Tên, họ)	Nguyễn-Hữu-Tôn
Nghề-nghiep :	Buôn bán
Sanh tại :	Anhội Bảchưu HEN-TRE
Sanh ngày :	28 tháng 4 năm 1929
Cư-trú tại :	9/I-Ấp Phú-khuông 1 Anhội Kiếnhòa
Cha chồng : (Tên, họ, sống chết phải nói)	Nguyễn-văn-Bầu
Mấy tuổi :	Sáu mươi hai tuổi
Nghề-nghiep :	Buôn bán
Cư-trú tại :	9/I-Ấp Phú-khuông 1 Anhội Kiếnhòa
Mẹ chồng : (Tên, họ, sống chết phải nói)	Bùi-thị-Thọ
Mấy tuổi :	Năm mươi lăm tuổi
Nghề-nghiep :	Nội trợ
Cư-trú tại :	9/I-Ấp Phú-khuông 1 Anhội Kiếnhòa
Chủ-hôn bên trai : (Tên, họ)	Bùi-thị-Thọ
Mấy tuổi :	Năm mươi lăm tuổi
Nghề-nghiep :	Nội trợ
Cư-trú tại :	9/I-Ấp Phú-khuông 1 Anhội Kiếnhòa
Người vợ : (Tên, họ)	Lê-thị-Lài
Vợ (chánh hay vợ thứ) :	Vợ chánh
Nghề-nghiep :	Giáo-viên
Sanh tại :	Châu-bình Bảo-lộc Bểntre
Sanh ngày :	4 tháng 8 năm 1936
Cư-trú tại :	366-Đường Nguyễn-dinh-Chiếu Kiếnhòa
Cha vợ : (Tên, họ, sống chết phải nói)	Lê-văn-Uông
Mấy tuổi :	Năm mươi sáu tuổi
Nghề-nghiep :	Cựu giáo-viên
Cư-trú tại :	366-Đường Nguyễn-dinh-Chiếu Kiếnhòa

Phân 5865 chữ Ký
Hội-Đảng Xã

Trúc-Giang ngày 14 tháng 12 năm 1957

NGUYỄN-VĂN-SANH

Mẹ vợ :	
(Tên, họ, sống chết phải nói)	Trần-thị-Đống
Mấy tuổi :	Năm mươi một tuổi
Nghề-nghiep :	Nội trợ
Cư-trú tại :	366-Đường Nguyễn-Ôn-Chiếu Kiếnhòa
Chủ-hôn bên gái :	
(Tên, họ)	Trần-thị-Đống
Mấy tuổi :	Năm mươi một tuổi
Nghề-nghiep :	Nội trợ
Cư-trú tại :	366-Đường Nguyễn-Ôn-Chiếu Kiếnhòa
Người làm mai :	
(Tên, họ)	"
Mấy tuổi :	"
Nghề-nghiep :	"
Cư-trú tại :	"
Ngày cưới :	"
Ngày khai :	"
Vợ chồng có khai nhận con tư-sanh làm con chánh-thức không ? :	
Họ, tên, tuổi, ngày sanh, nơi sanh của mỗi con tư-sanh nhận là con chánh-thức :	"
Người chứng thứ nhất :	
(Tên, họ)	Lê-văn-Mạnh
Mấy tuổi :	Năm mươi tám tuổi
Nghề-nghiep :	Làm ruộng
Cư-trú tại :	6/8-Ấp Phú-khương 1 Anhội Kiếnhòa
Người chứng thứ nhì :	
(Tên, họ)	Nguyễn-văn-Thôn
Mấy tuổi :	Năm mươi sáu tuổi
Nghề-nghiep :	Làm ruộng
Cư-trú tại :	6/II -Ấp Phú-khương 1 Anhội Kiếnhòa

Lập tại Anhội, ngày 18 tháng 4 năm 1958

Vợ chồng,

Mai-nhon,

Cha mẹ hai bên,

Tên
Ký tên: Lài

..... Nguyễn-văn-Báu (vắng mặt) Thọ
Lê-văn-Uông (vắng mặt) Ký tên: Đống

Hò-lai,

Chủ-hôn,

Nhon-chứng,

Ký tên: Nguyễn-văn-Năm, Ký tên: Thọ
(con dâu) Đống

Ký tên: Lê-văn-Mạnh
(chủ Hôn-Viê) Thôn

PHẢI BIẾT. — ~~Chữ~~ Chữ trắng không dùng lời thì phải kéo một nét.

ỦY-BAN NHÂN-DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

PHẦN BÊN-TRÉ

Số 786/LT

LỆNH THA

PHẦN BÊN-TRÁI

Chức vụ

Phó chủ tịch UBND Tỉnh Bến Tre

Căn cứ quyết định miễn tố số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____

đối với bị can _____
Căn cứ vào pháp luật hiện hành

RA LỆNH THA

Họ và tên Nguyễn-Hữu-Tôn Bị danh _____

Sinh ngày _____ tháng _____ năm 1929

Sinh quán thị xã Bến Tre

Trú quán vã Phú Khương, thị xã Bến Tre

Nghề nghiệp khi về địa phương tiếp tục quản lý 12 tháng

Ông giám thị trại tạm giam Tỉnh Bến Tre

thi hành khi nhận được lệnh này.

Lệnh này gửi đến ông Viện trưởng VKSND Đình Bình

_____ để tường.

Ngày 17 tháng 12 năm 1979

KT. Chủ tịch UBND Tỉnh

Phó chủ tịch.

NƠI NHẬN

- Ông viện trưởng VKSND Đoàn để biết
- _____ để báo cáo
- Ông Giám thị trại tạm giam Đoàn để thi hành
- _____ để biết
- Đường sự khi về trình với Đoàn biết
- Lưu hồ sơ

Chúy anh
Đ) đến rất sớm
ngày 4/1/80
q. Ban CA xã
P. CA

Chợ

ngày mai H.Đ.

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTC, ban

hành theo công văn số

2585 ngày 21 tháng 12

năm 1972

Trại: Đoàn Trại 1

Số 05 GRT

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn quyết định tha số 786 ngày 12 tháng 12 năm 79
của Ủy Ban Nhân Dân Bắc Bộ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Nguyễn Văn Bôn

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 1929

Nơi sinh Thị xã Bắc Ninh

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt Vị thôn, Chương

Thị xã Bắc Ninh

Can tội Trộm cắp

Bị bắt ngày 20-7-75 Án phạt 10 năm

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm

Đã được giảm án lần, cộng thành tháng

Nay về cư trú tại Hà Nội

Nhận xét quá trình cải tạo

Đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và các quy định của trại, không vi phạm, có nhiều đóng góp cho công tác cải tạo, được ban chấp hành trại khen thưởng.

Lần tay ngón trở phải

Của

Đánh bản số

Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

ngày 12 tháng 12 năm 1972



Nguyễn Văn Bôn
Tôn

Trưởng ban chấp hành trại

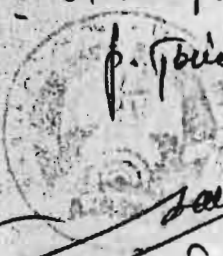
Chúng vẫn

đã quyết định từ chối

phần này là phần này 1/2/80.

thì cả hai đều không.

p. Truông et.

suy

suy ra là

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
BẾN TRE
Số : 46 / QĐ-UB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
-:-:-

Bến Tre, // ngày 18 tháng 01 năm 1985

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH

" Về việc giải chế cho số đối tượng hết thời
gian quân chế tại địa phương "

-x-

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

(Căn cứ luật tổ chức Hội Đồng nhân dân và Ủy Ban nhân dân
được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa VII
kỳ họp thứ V thông qua ngày 10-06/1983 .

Căn cứ vào sắc lệnh số 175/SL ngày 18-02/1953 của chủ
Tịch Nước .

- Xét đề nghị của UBND : Tô thị xã Bến Tre .

- Xét đề nghị của CA Tỉnh Bến Tre : .

- Xét về thái độ cải tạo của anh : Nguyễn Hữu Bôn .

Cấp bậc : . Chức vụ : Tổng thư ký sắc lệnh : Độc lập xã

Nguyễn quán Xa : Phu Khương, Tô thị xã Tỉnh : Bến Tre .

Đã chấp hành nghiêm chỉnh lệnh quân chế, cải tạo lao động và
mọi điều qui định của địa phương .

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : //ay giải chế cho anh : Nguyễn Hữu Bôn
sinh năm 1929 hiện thường trú xã : Phu Khương 139^B
Huyện : Tô thị xã Tỉnh : Bến Tre .

Điều 2 : Anh : Nguyễn Hữu Bôn kể từ nay được hưởng quyền
lợi nghĩa vụ của 1 công dân Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa VN.

Điều 3 : Các đ/c Chánh văn Phòng UBND Tỉnh, Chủ tịch UBND Huyện
: Tô thị xã và anh : Nguyễn Hữu Bôn
Theo chức năng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

//oi nhận :

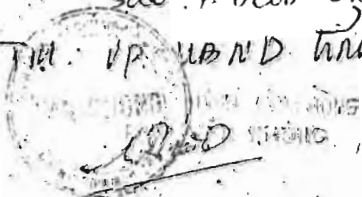
- + TV-TU (thay báo cáo)
- + Giám Đốc CA Tỉnh
- + Như điều 3
- + Lưu VPUB Tỉnh

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
Chủ tịch

Đỗ Huy
Trần Minh Đào

Sao v. báo chánh

TM. VP UBND Tỉnh



Nguyễn Văn Bôn

VIỆT NAM CỘNG-HÒA

TỈNH KIẾN HOA

XÃ AN-HỘI

QUẬN TRUÔNG

HỘ-TỊCH VIỆT-NAM

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Năm : 1972

Số hiệu : 1892

Tên, họ ấu nhi	NGUYỄN ANH TRINH
Phái	NAM
Sanh ngày	HUỖI SÁU THÁNG TÂM NĂM 1972
Nơi sinh	BẢO ANH HUỖI-HÒA (KIẾN-HÒA)
Tên, họ cha	NGUYỄN KIM TON
Nghề nghiệp	HỘI-ĐỒNG XÃ AN-HỘI
Cư sở tại	AN-HỘI KIẾN-HÒA
Tên, họ mẹ	LÊ THỊ LÀI
Nghề nghiệp	GIÁO-VIỆT
Cư sở tại	AN-HỘI KIẾN-HÒA
Vợ chánh hay vợ thứ	VỢ CHÁNH

SAO Y BỘ CHÁNH

AN-HỘI ngày 09 tháng 09 năm 19 72



PHAN-VĂN-HIỆN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH KIẾN - HÒA

XÃ An Hội

QUẬN Trúc Giang

ĐỘ - TỊCH VIỆT - NAM

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Năm : 1970

Số hiệu : 104

Tên, họ ấu nhi	NGUYỄN ANH LUẬT
Phái	Nam
Sanh ngày	Mười tháng một, năm một ngàn chín trăm bảy mươi
Nơi sinh	An Hội Kiến Hòa
Tên, họ cha :	Nguyễn hữu Tôn
Nghề nghiệp	Buôn bán
Cư sở tại	An Hội Kiến Hòa
Tên, họ mẹ	Lê thị Lại
Nghề nghiệp	Giáo viên
Cư sở tại	An Hội Kiến Hòa
Vợ chánh hay, vợ thứ	Vợ chánh

SAO Y BỘ CHÁNH

Thay chữ ký của

ỦY BAN HÀNH CHÁNH XÃ

Ngày 12 tháng 01 năm 1970

T.Á. TỈNH KIẾN HÒA



ngày 12 tháng 01 năm 1970

Kiên - chức Hộ tịch

PHAN VĂN HIẾN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH KIẾN HÒA

HIỆU-TỊCH VIỆT-NAM

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

QUẬN ~~TRUNG-QUANG~~

Năm : 1968

Số hiệu : 1384



Tên, họ ông	NGUYỄN ANH HUY
Phái	Nam
Sinh ngày	Một một tháng Sáu Năm Một Ngàn Một Ngàn Chín Trăm Sáu mươi Tám.
Nơi sinh	AN-HỘI KIẾN-HÒA
Tên, họ cha	NGUYỄN HỮU TON
Nghề nghiệp	Buôn Bán
Cư sở tại	AN-HỘI KIẾN-HÒA
Tên, họ mẹ	LÊ THỊ LÀI
Nghề nghiệp	Giáo-Viên
Cư sở tại	AN-HỘI KIẾN-HÒA
Vợ chánh hay vợ thứ	Vợ chánh

SAO Y BỘ CHÁNH

ngày 18 tháng 5 năm 1972

Ủy viên Hộ-tịch,



PHAN-VĂN-NIÊN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH KIÊN - HÒA

QUẬN

XÃ

HỘ - TỊCH VIỆT - NAM

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Năm : 1965

Số hiệu : 2950

Tên, họ đủ nhĩ . . .	Nguyễn - Anh - Quốc
Phái	Nam
Sanh ngày	Mười một tháng mười hai năm 1965
Nơi sinh	Bảo Sơn Nhôn Hoa Kiên' Hoa
Tên, họ cha	Nguyễn - Huân - Cơn
Nghề nghiệp	Buôn bán
Cư sở tại	Du hời Kiên' Hoa
Tên, họ mẹ	Lê - Chi - Lai
Nghề nghiệp	Giáo viên
Cư sở tại	Du hời Kiên' Hoa
Vợ chánh hay vợ thứ.	Vợ chánh

Nhận thực chỉ vũ dũc
ỦY-BAN HÀNH-CHÁNH XÃ

Kiên-Hoa, ngày 21 tháng 12 năm 1965
T.L. TỈNH-TRƯNG



Khai

Nguyễn Văn Tùng

Đoàn Văn Hòa

SAO Y BỘ CHÁNH

Du hời

, ngày 20 tháng 12 năm 1965

Viên chức Hộ - tịch,

chủ tịch xã



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH Thừa Thiên

QUẬN Trúc Giang

XÃ An Hội

HỘ - TỊCH VIỆT - NAM

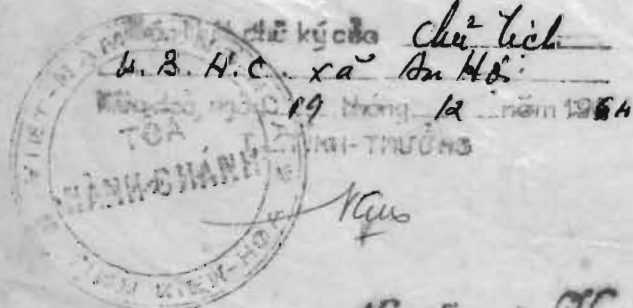
TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Năm: 1964

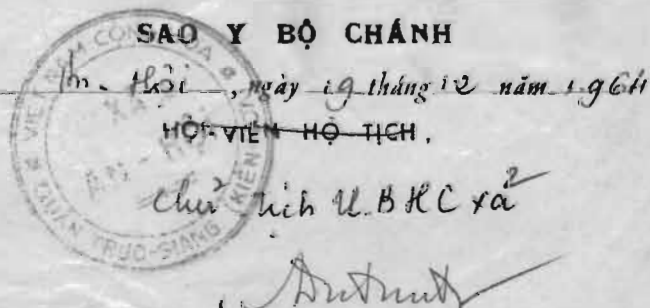
Số hiệu: 2941

Thị Lạc Long Quân
PV

Tên, họ ấu nhi	Nguyễn - anh Tuấn
Phái	Nam
Sanh ngày	Mười bốn tháng mười hai năm 1964
Nơi sinh	Bảo - sanh Thuận - Hòa
Tên, họ cha	Nguyễn - Lưu - Tôn
Nghề nghiệp	Buôn bán
Cư sở	An - Hội - Thuận Hòa
Tên, họ mẹ	Lê - Thị - Lài
Nghề nghiệp	Giáo viên
Cư sở tại	An - Hội - Thuận Hòa
Vợ chánh hay vợ thứ . .	Vợ chánh



Nguyễn Văn Hùng



V - NAM CỘNG-HÒA

TỈNH Kiến-Hòa

QUẬN Trúc-giang

XÃ An-hội

HỘ-TỊCH VIỆT-NAM

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Năm 1962

Số hiệu 1066

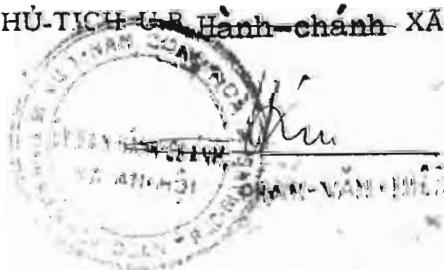
Tên họ ấu nhi	NGUYỄN THỊ MINH-CHÂU
Phái.	Nữ
Sanh ngày.	Mười chín tháng năm năm 1962
Nơi sinh	Bảo sanhHạnh-Phúc Kiến-Hòa
Tên, họ cha	Nguyễn hữu Tôn
Nghề nghiệp	Buôn bán
Cư sở tại	An-hội Kiến-Hòa
Tên, họ mẹ	Lê thị Lài
Nghề nghiệp	Giáo-viên
Cư sở tại	An-hội Kien-Hòa
Vợ chánh hay vợ thứ.	Vợ chánh

SAO Y BỘ CHÁNH

An-hội ngày 12 tháng 7 năm 1969

CHỦ-TỊCH UBND Hành-chánh XÃ

ĐƠN CHỨC CHỨC VỤ CÔNG
ỦY BAN HÀNH-CHÁNH XÃ
Kiến Hòa, ngày 12 tháng 7 năm 1969
T. L. TỈNH TRƯỞNG



Lên văn Sàng

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH KIẾN HÒA

XÃ AL-SUT

QUẬN TRUC-ANG



IIỘ-TỊCH VIỆT-NAM

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Năm : 1.950

Số hiệu : 1.790

Tên, họ ấu nhi	NGUYỄN ANH NGUYỄN
Phái	Nam
Sanh ngày	Mười Hai Tháng Chín Năm Một Ngàn Chín Trăm Năm Mươi Sáu
Nơi sinh	Bắc-sơn ở Thị trấn KIẾN-HÒA
Tên, họ cha	NGUYỄN HỮU TON
Nghề nghiệp	Buôn Bán
Cư sở tại	9/1 ấp Phú-Khang 1 An-Hội KIẾN-HÒA
Tên, họ mẹ	LÊ THỊ LÀI
Nghề nghiệp	Giáo-Viên
Cư sở tại	9/1 ấp Phú-Khang 1 An-Hội KIẾN-HÒA
Vợ chánh hay vợ thứ	Vợ chánh

SAO Y BỘ CHÁNH



tháng 5 năm 1950
Ủy viên Hộ tịch,

ĐHÀN-VĂN-HIỆN

VIỆT - NAM CỘNG - HOÀ

BỘ TƯ - PHÁP

SỞ TƯ - PHÁP NAM - PHẦN

TOA H. G. P. Q. Kiên - Hòa

(1) Ngày 13-7-1961

Giấy thể-vi Khai Cảnh

cho 18-7-1961

(1) Số 436

Trích-lục văn-kiện thể-vi hộ-tịch lưu trữ tại Phòng Lục-Sự

Toà H. G. P. Q. Kiên - Hòa

Một bản chánh giấy thể-vi Khai Cảnh

do 18-7-1961

xin cấp đã được:

○ Thịnh-Hiệp-Thành

Chánh-Án Toà H. G. P. Q. Kiên - Hòa

với tư cách Thẩm-Phán Hoà-Giải, lập ngày 13-7-1961

và đã trước-bạ :

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh - Phủ Lâm - Thời Nam - Phần Việt - Nam và điều 363 và kế tiếp Hành-Luật Cảnh-Cải sửa-đổi bởi Sắc - Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên - thệ, quả - quyết và biết chắc rằng :

- 18-7-1961 cảnh này 1-7-1961 tại Chợ-Bình
(Bến-Trò) và là con của 18-7-1961 và Thịnh-Hiệp-Thành./.

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

Kiên-Hòa, ngày 13 tháng 7 năm 1961

Lệ phí: 5000

(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục.

136



VIỆT-NAM CỘNG HOÀ
TỐI-CAO PHÁP-VIÊN

TOÀ HONQ KIEMDA

TRÍCH-LỤC VĂN-KIỆN THỂ-VÌ HỘ-TỊCH LƯU-TRỮ TẠI PHÒNG LỤC-SỰ

Toà HONQ KIEMDA

(1) Ngày 14-9-1952

Giấy thể-vì khởi sinh

cho Nguyễn Hữu Tôn

(1) Số : 1774

Một bản chánh giấy thể-vì khởi sinh

cấp cho Nguyễn Hữu Tôn

do Ông Nguyễn Hữu Tôn Chánh-Án Toà HONQ KIEMDA

với tư-cách Thăm-Phán Hoà-Giải, cấp ngày 14-9-1952

và đã trước-bạ ,

TRICH RA NHƯ SÁU ĐÂY :

Những nhân chứng nầy, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Cao-Ánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Cảnh-Cải sửa-đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả-quyết và nhất-chắc rằng :

- Nguyễn Hữu Tôn, sinh ngày 28-4-1929, tại làng An-hội (Bontre) và là con của Nguyễn Văn Báu và Bùi Thị Thọ.

TRICH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

KIEMDA, ngày 14 tháng 9 năm 1952

Lê-phí 100

(1) Lập tại so. ngày tháng
và năm trên đây với
khi sin trước-ay



Monle

Lê Hồng Lân

Tân Kiên

FROM: NGUYỄN HỮU TÔN

139/B/ ẤP 2 XÃ PHÚ KHƯỜNG

THỊ XÃ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

(VIỆT NAM)

PARAVION



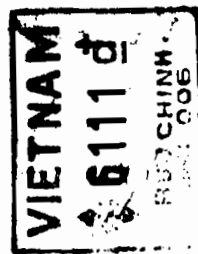
FEB 0 5 1990

TO: Bã KHÚC MINH THỎ

P.O. BOX 5435 - ARLINGTON - VA. 22205 - 0635

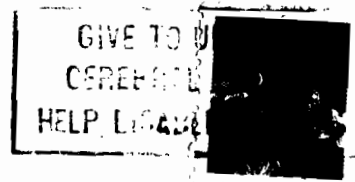
TELEPHONE

(U.S.A.)



10/1/71
129

From Det Nguyen



Hội gia đình Tự Nhân Chính Trị Vietnam

P.O. box 5435

Arlington

VA. 22205-0635

FEB 02 1990

Name: NGUYEN, HUU TON

Address: _____

Telephone: _____

Date: 12/03/1996

Mr. Dewey Pendergrass, Director
Orderly Departure Program
Box 58 - American Embassy
APO AP 96546

RE#: _____

IV#: 343037

HO#: 37-509

FILE ID # V108697

Dear Mr. Pendergrass:

I am writing on behalf of my (son, daughter, children),

NGUYEN ANH MINH (SON) DATE OF BIRTH September-12-1958

currently living AT: 95/3 LO SO 4, WARD # 4, BEN TRE
PROVINCE OF BEN TRE, VIETNAM

I believe that (his, her, their) status under the eligibility guidelines of the Orderly Departure Program (ODP) is affected by the McCain Amendment of the 1997 Foreign Operation Act which restores eligibility to the unmarried over-21 sons and daughters of the former Vietnamese political prisoners.

I request that ODP check the case(s) according to the case numbers provided above and confirm for me that the son(s) or daughters(s) listed above are eligible and part of the group that ODP is now contacting to invite to interview. If a new letter of introduction has already been sent, I would appreciate knowing the date it was sent and to what address in Vietnam. That will help me ensure it arrives.

I appreciate that your office is busy with many cases, but my family and I are equally anxious to ensure that the case of our children be reconsidered under the new law before their eligibility expires.

On behalf of my family, I thank you for your help in this matter.

Sincerely,

Eon

cc: FVPPA,
"For Information and Follow-up"



Montgomery County Government

ABSTRACT OF BIRTH CERTIFICATE

Number: 1796
Years:

Name of Child: NGUYEN ANH MINH

Sex: MALE

Date of Birth: 09/12/1958

Father's Name: NGUYEN HUU TON

Age: 29

Occupation: SMALL BUSINESS

Residence: 9/1 AP PHU KHUONG - AN HOI - KIEN HOA

Mother's Name: LE THI LA

Age: 22

Occupation: TEACHER

Residence: 9/1 AP PHU KHUONG I - AN HOI - KIEN HOA

Declarant's Name: NGUYEN HUU TON

Age: 29

Occupation: —

Residence: 9/1 / AP PHU KHUONG I - AN HOI - KIEN HOA

Date of Registration: 9/16/1958

This is to certify that the abstract and translation of the above information from the original copy is true and correct to the best of my knowledge and ability, and that I am conversant in the Vietnamese language.

Date: 12/3/1996 Signature: Nina Le

Subscribed and sworn to before me in my presence, this 3 day of December 1996, a Notary Public in and for Montgomery County, Maryland.

Thai Nguyen

KHAI SANH

Số hiệu : 1726

Tên, họ ấu-nhi : Nguyễn Anh Minh

Phái : nam

Sanh : Mười hai, tháng chín, năm một ngàn chín trăm
Ngày, tháng, năm

Tại : Bảo sanh xã thị trấn Hiền hòa năm mười tám

Cha : Nguyễn hữ Tôn
Tên, họ

Tuổi : hai mươi chín tuổi

Nghề-nghiep : buôn bán

Cư-trú tại : 2/1 ấp Phú khương I An hội Hiền hòa

Mẹ : Lê thị Lai
Tên, họ

Tuổi : hai mươi hai tuổi

Nghề-nghiep : giáo viên

Cư-trú tại : 2/1 ấp Phú khương I An hội Hiền hòa

Vợ : vô chánh

Người khai : (cha) Nguyễn hữ Tôn
Tên, họ

Tuổi : hai mươi chín tuổi

Nghề-nghiep : " "

Cư-trú tại : 2/1 ấp Phú khương I An hội Hiền hòa

Ngày khai : " "

Người chứng thứ nhất : Nguyễn văn Chuẩn
Tên, họ

Tuổi : hai mươi ba tuổi

Nghề nghiệp : giáo viên

Cư-trú tại : Số 366 Đường Nguyễn đình Chiểu Hiền hòa

Người chứng thứ nhì : Nguyễn văn Cang
Tên, họ

Tuổi : ba mươi hai tuổi

Nghề nghiệp : thợ kỹ

Cư-trú tại : An hội, Bảo hữ Hiền hòa

Làm tại An hội, ngày 16 tháng 9 năm 1958

Người khai :

Hộ-lai :

Nhân chứng :

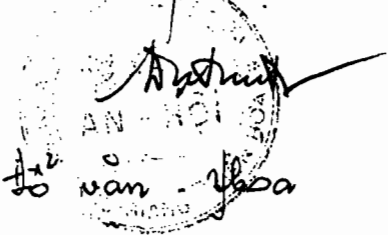
Họ tên : Tôn, An hội : Nguyễn văn Năm, Họ tên : Chuẩn
Cang

Sao lục y bộ đời

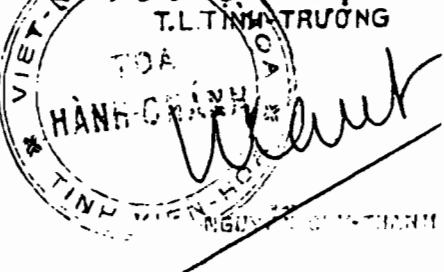
An hội, ngày 11 - 8 - 1964

Chủ tịch ủy ban hành chánh

xã An hội



Nhân thật chữ ký của Chủ tịch Ủy ban hành chánh xã An hội
Kiến Hòa, ngày 16 tháng 9 năm 1958





Montgomery County Government

MARRIAGE CERTIFICATE ABSTRACT

No. 34

Name of Husband: NGUYEN HUU TEN

Occupation: SMALL BUSINESS

Born on: APRIL - 28 - 1929

Residing: 9/1, AP PHU KHUONG I,
AN HOI - KIEN HOA

His Father's Name: NGUYEN VAN BAI

His Mother's Name: BUI THI THO

Name of Wife: LE THI LAI

Occupation: TEACHER

Born On: 8/4/1936

Residing: 366 NGUYEN DIANH CHIEU -
KIEN HOA

Her Father's Name: LE VAN VONG

Her Mother's Name: TRAN THI DONG

Date of Marriage: APRIL - 18 - 1958

Place of Marriage: VIETNAM

This is to certify that the abstract and translation of the above information from the original copy is true and correct to the best of my knowledge and ability, and that I am conversant in the Vietnamese language.

Date: 12/3/1996 Signature: Nina Le

Subscribed and sworn to before me in my presence, this 3 day of December 1996, a Notary Public in and for Montgomery County, Maryland.

Thai Nguyen
THAI NGUYEN
NOTARY PUBLIC STATE OF MARYLAND
My Commission Expires March 1, 1998

TESS Community Center

8513 Piney Branch Road, Silver Spring, Maryland 20901, 301/565-7675

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH KIẾN - HÒA

QUẬN: Túc-Giang

XÃ: An-Hội

TRÍCH - LỤC

CHỨNG - THƯ HÔN - THỰ

Số hiệu: 34

Tên, họ người chồng Nguyễn-Hữu-Tôn

nghề - nghiệp Đuổi-bỏ

sinh ngày 28 tháng 4 năm 1929

tại An-Hội, Bão-Hu, Sơn-Trơ

cư - sở tại 9/I, Ấp Phú-Hương I, An-Hội, Kiến-Hòa

tạm - trú tại ---

Tên, họ cha chồng Nguyễn-Văn-Báu (sống)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ chồng Bùi-Thị-Thọ (sống)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ Lê-Thị-Lâm

nghề - nghiệp Giáo-Viên

sinh ngày 5 tháng 8 năm 1935

tại Châu-Bình, Bão-Hu, Sơn-Trơ

cư - sở tại 366 Nguyễn-Bình-Chiến-Kiến-Kiến

tạm - trú tại ---

Tên, họ cha vợ Lê-Văn-Đổng (sống)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ vợ Trần-Thị-Đổng (sống)

(Sống chết phải ghi rõ)

— Ngày cưới 18 tháng 4 năm 1958

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn - khế ---

ngày --- tháng --- năm ---

tại ---

Trích y bốn chánh

An-Hội, ngày 19 tháng 6 năm 1968

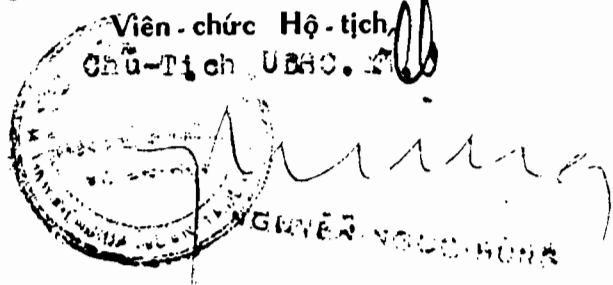
Viên - chức Hộ - tịch,
Chủ - tịch UBND xã



Nhà lập chữ ký

ỦY BAN NHÂN DÂN CHUỖN XÃ

Kiểm nhận ngày tháng năm 1968



For: MR. TON H. NGUYEN



Opjag PV.
HU 37.

TO: F V PPA



22043/3418 13





Ng^õ Hữu Tôn

28-4-1929

Lê Thị Lai

4-8-1936

Nguyễn Anh Minh

12-9-1958

Nguyễn Thị
Minh Châu

19-5-1962

Ng^õ Anh Quân

14-12-1964

Nguyễn Anh Quốc

Sinh : 11-12-65

Ng^õ Anh Huy

11-6-1968

Nguyễn Anh

Luật

10-1-1970

Nguyễn Anh
Thinh

16-8-1972
